|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN**  **HÀ NỘI**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **CÁC TỈNH DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **NĂM 2023**  *Môn:* **Lịch sử** - **Lớp 11**  *Thời gian làm bài:* **180 phút**  (*Đề thi có 01 trang, gồm 07 câu*) |

**Câu 1 (3.0 điểm)**

Hãy phân tích: điều kiện lịch sử, thành phần lãnh đạo, lực lượng tham gia, phương pháp đấu tranh, kết quả và tác động đối với các quan hệ quốc tế của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Câu 2 (2.5 điểm):**

Có ý kiến cho rằng: Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần hai, Việt Nam có thể trở thành một nước tư bản chủ nghĩa. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 3 (3.0 điểm):**

Tóm tắt và nhận xét hoạt động của tiểu tư sản trí thức Việt Nam trong những năm 1919 - 1925. Đề xuất biện pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay.

**Câu 4 (3.0 điểm):**

Con đường đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có điểm gì mới so với các bậc tiền bối (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)?

**Câu 5 (3.0 điểm):**

Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa những điều kiện bùng nổ và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về mối quan hệ giữa những điều kiện đó trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước hiện nay.

**Câu 6 (3.0 điểm):**

Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thể hiện như thế nào từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946? Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

**Câu 7 (2.5 điểm):**

Bằng kiến thức lịch sử đã học, em hãy giải thích “toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược”.

**-Hết-**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN**  **HÀ NỘI**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT**  **Môn: LỊCH SỬ NĂM 2023**  ***(Hướng dẫn chấm gồm 06 trang)*** |

**Câu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hãy phân tích: điều kiện lịch sử, thành phần lãnh đạo, lực lượng tham gia, phương pháp đấu tranh, kết quả và tác động đối với các quan hệ quốc tế của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.** | 3.0 |
| a) Điều kiện lịch sử  - Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt giai đoạn cuối, các nước Đông Nam Á là nơi tập trung nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn dân tộc, giai cấp chằng chéo và trở nên hết sức căng thẳng trong giai đoạn chuẩn bị kết thúc chiến tranh. Trong thời kì này, các lực lượng xã hội như giai cấp tư sản dân tộc, vô sản ngày càng lớn mạnh.  + Giai cấp vô sản đông về số lượng, trưởng thành về ý thức với sự xuất hiện hàng loạt các Đảng Cộng sản. Một số Đảng Cộng sản nắm ngọn cờ lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc.  + Giai cấp tư sản dân tộc không ngừng lớn mạnh, ở nhiều nước họ đã lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và giành thắng lợi.  - Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự thất bại của chủ nghĩa phát xít, quân phiệt. Bản thân các nước đế quốc có nhiều thuộc địa ở Đông Nam Á như : Anh, Pháp, Hà Lan đã bị phát xít giáng đòn chí tử không những ở chính quốc mà ở ngay các nước thuộc địa. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho sự bùng nổ phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh.  - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời và CNXH đã trở thành hệ thống thế giới. Đây là chỗ dựa vững chắc cho phong trào giải phóng dân tộc. Bên cạnh đó, sự lớn mạnh và phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, của các lực lượng dân chủ, hoà bình cũng tác động trực tiếp đến phong trào giải phóng dân tộc.  - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Nam Á trở thành điểm sôi động nhạt trong cuộc Chiến tranh lạnh. Đông Nam Á là nơi đụng đầu quyết liệt nhất giữa hai lực lượng quốc tế, tình hình đó có ảnh hưởng lớn đến cục diện chung của khu vực và thế giới. Từ đây, phong trào giải phóng dân tộc Đông Nam Á có những điều kiện khách quan thuận lợi và không thuận lợi cho sự bùng nổ và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc. | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| b) Thành phần lãnh đạo  - Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc, có nhiều nước do giai cấp vô sản mà đại biểu của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo đã đi đến thắng lợi cuối cùng như Việt Nam, Lào. Cuộc cách mạng hoàn thành triệt để, giành được nền độc lập thực sự và định hướng con đường xã hội chủ nghĩa.  - Lực lượng thứ hai lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc là giai cấp tư sản dân tộc hoặc trí thức tư sản như : Inđônêxia, Philíppin, Mã lai,... Trong cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị của đế quốc, thực dân, các nước này đã giành độc lập về chính trị. Mặc dù về hình thức đấu tranh không triệt để, nhiều khi còn thoả hiệp với thực dân, nhưng cuối cùng, các nước đó đã giành được độc lập với những mức độ khác nhau.  - Giai cấp nào lãnh đạo là do điều kiện lịch sử, tương quan lực lượng từng nước quyết định. Giai cấp nào lãnh đạo - đó là điều kiện hết sức quan trọng, vì nó quyết định đến chiến lược đấu tranh và con đường phát triển của đất nước sau khi giành độc lập dân tộc. | 0.25 |
| c) Lực lượng tham gia  - Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân : nông dân, công nhần, tiểu tư sản, phong kiến tư sản hoá, trí thức...  - Là những nước thuộc địa của đế quốc, thực dân, nền kinh tế chủ yếu là nồng nghiệp, nền công nghiệp còn non trẻ thường là do đế qùốc thực dân xây dựng, nên đại bộ phận là nông dân và công nhân. Trong đó, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, còn công nhân là lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. | 0.25 |
| d) Phương pháp và hình thức đấu tranh  - Cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của các nước Đông Nam Á diễn ra dưới những hình thức khác nhau tùy thuộc vào điều kiện lịch sử của từng nước và tác động của nhân tố bên trong cũng như bên ngoài. Song có hai phương pháp và hình thức đấu tranh chủ yếu: bạo lực và không bạo lực.  Bạo lực cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc được nhiều nước sử dụng dưới hai hình thức: bạo lực chính trị, bạo lực vũ trang và kết hợp hai hình thức đó. Hình thức bạo lực cách mạng cũng rất đa dạng như đấu tranh vũ trang, đấu tranh vũ trạng kết hợp đấu tranh chính trị và kháng chiến trường kì như trường hợp các nước Việt Nam, Lào, Campuchia.  - Một số nước như : Mã Lai, Inđônêxia, Philíppin đã sử dụng hình thức đấu tranh không bạo lực, con đường hoà bình ít đổ máu, đấu tranh kết hợp với thương thuyết giành độc lập. Sau khi giành độc lập các nước này còn tiếp tục phải đấu tranh để bảo vệ nền độc lập và chống lại các nước thực dân trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao. | 0.25 |
| e) Kết quả và tác động của phong trào giải phóng dân tộc Đông Nam Á đối với các quan hệ quốc tế  - Kết quả: cho đến giữa những năm 70 (thế kỉ XX), các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập.  - Ý nghĩa: Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Nam Á đã ảnh hưởng lớn đến cách mạng thế giới:  + Làm thay đổi căn bản tình hình và bộ mặt khu vực cũng như thế giới, bản đồ chính trị thế giới có sự biến đổi khác trước: từ những nước thuộc địa, nô dịch, không có tên trên bản đồ thế giới, các nước Đông Nam Á đã có nền độc lập thực sự, tự ghi tên mình trên bản đồ thế giới.  + Góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Giáng một đòn nặng nề vào hậu phương của chủ nghĩa đế quốc, gây sự bất ổn và góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc. Tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào cách mạng thế giới.  + Trong cuộc Chiến tranh lạnh và sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe đã biến Đông Nam Á thành điểm nóng trong quan hệ quốc tế cùng với sự xâm nhập của Mĩ vào khu vực này. Trong bối cảnh đó, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á đã góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mĩ.  + Trong mối quan hệ quốc tế, các nước Đông Nam Á mới giải phóng bước lẽn vũ đài chính trị quốc tế, tham gia tích cực vào đời sống chính trị khu vực và thế giới (ASEAN, Diễn đàn Á - Âu). Các nước này cũng đóng góp vai trò quan trọng trong diễn đàn quốc tế lớn nhất hành tinh - Liên hợp quốc. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |

**Câu 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Có ý kiến cho rằng: Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần hai, Việt Nam có thể trở thành một nước tư bản chủ nghĩa. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.** | **2,5** |
| Sau chiến tranh thế giới I, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai tại Việt Nam. Dưới tác động của cuộc khai thác, xã hội Việt Nam có sự chuyển biến sâu sắc cả về kinh tế, xã hội. Tuy nhiên tác động của cuộc khai thác vẫn chưa đủ điều kiện để Việt Nam trở thành một nước tư bản chủ nghĩa.  Vì: | **0,5** |
| * Về kinh tế:   Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào Việt Nam không hoàn chỉnh và mất cân đối |  |
| + Pháp đầu tư vào Việt Nam dẫn đến sự xuất hiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tại một số ngành nghề, trong đó chủ yếu là công nghiệp khai khoáng, công nghiệp nhẹ, đồn điền… | **0.25** |
| + Thực dân Pháp không đầu tư phát triển công nghiệp nặng, ở Việt Nam không xuất hiện công nghiệp luyện kim, cơ khí, chế tạo máy,..nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nặng nề vào nền kinh tế Pháp.  + Pháp đầu tư vào Việt Nam mất cân đối vùng miền, có những địa phương phát triển mạnh, là các trung tâm, ví dụ như Hà Nội, Sài Gòn.. nhưng những địa phương khác còn yếu. | **0.25**  **0.25** |
| - Pháp vẫn duy trì phương thức sản xuất phong kiến, kết hợp hai phương thức tư bản và phong kiến để thu được nhiều lợi nhuận. Thậm chí phương thức bóc lột phong kiến vẫn là phương thức sản xuất chủ đạo. Hệ quả: Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập, có quan hệ bóc lột phong kiến đã từng bước trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dù xuất hiện nhưng không phải quan hệ chủ đạo, vì thế nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào Pháp, trở thành thị trường của Pháp. | **0.5** |
| * Về xã hội:   + Kinh tế Việt Nam chuyển biến dẫn đến xã hội thay đổi, đặc biệt là sự xuất hiện của giai cấp mới trong đó có giai cấp tư sản. Tuy nhiên Pháp kìm hãm sự phát triển và hoạt động của tư sản bản địa nên giai cấp tư sản Việt Nam mặc dù xuất hiện nhưng rất ít về số lượng. | **0.25** |
| + Pháp tiếp tục duy trì giai cấp phong kiến, biến giai cấp này thành một bộ phận tay sai phục vụ cho chính quyền Pháp. | **0.25** |
| + Trong những năm 20 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản gắn liền với những hoạt động của tầng lớp tiểu tư sản, tư sản dân tộc… Tuy nhiên, phong trào đấu tranh còn nặng về kinh tế, mang tính tự phát, tinh thần đấu tranh không triệt để. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái nổ ra và thất bại đã chấm dứt vai trò lãnh đạo của tư sản Việt Nam, không thể đưa Việt Nam thành nước tư bản chủ nghĩa thực sự. | **0.25** |

**Câu 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt và nhận xét hoạt động của tiểu tư sản trí thức Việt Nam trong những năm 1919 - 1925. Đề xuất biện pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay.** | **3,0** |
| **Tóm tắt hoạt động của tiểu tư sản trí thức Việt Nam trong những năm 1919 - 1925.** | **1,0** |
| Thành lập các tổ chức chính trị (Hội Phục Việt, Hưng Nam); Thành lập các nhà xuất bản (Nam đồng thư xã, Cường học thư xã); Xuất bản các tờ báo tiến bộ (Chuông rè, An nam trẻ, người nhà quê) | 0,25 |
| Tham gia đấu tranh chính trị trong phong trào dân tộc dân chủ: Đòi để tang Phan Châu Trinh (1926), đòi thả Phan Bội Châu (1925); tham gia đấu tranh chính trị đòi quyền tự do dân chủ, đấu tranh chống Pháp độc quyền cảng Sài Gòn | 0,25 |
| Vận động quần chúng tham gia PTYN, giác ngộ nhân dân tham gia phong trào vì độc lập tự do, dân chủ tiến bộ, họ góp phần vào giáo dục truyền thống dân tộc, góp phần vào thúc đẩy PTYN đi theo khuynh hướng mới | 0,25 |
| Ở hải ngoại, tiểu tư sản trí thức Việt Nam đã thành lập tổ chức Tâm Tâm xã, điển hình nhất là sự kiện tiếng bom xa diện của Phạm Hồng Thái | 0,25 |
| **Nhận xét** | **1,0** |
| Đối tượng, mục tiêu đấu tranh: Tiểu tư sản trí thức xác định rõ đối tượng đấu tranh là đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, mục tiêu đấu tranh đòi quyền dân tộc, dân chủ. | 0,25 |
| Lực lượng, quy mô địa bàn hoạt động: Lôi quấn đông đảo các giai cấp, tầng lớp trong xã hội; hoạt động trên cả nước và cả hải ngoại, tập trung chủ yếu ở các đô thị (đặc trưng của lực lượng tiểu tư sản là sống ở thành thị) | 0,25 |
| Hình thức, phương pháp đấu tranh: Đa dạng, phong phú; có đấu tranh chính trị như mít tinh, biểu tình, truyền đơn, tuyên truyền giác ngộ chính trị và cả bạo động vũ trang (Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái) | 0,25 |
| Vai trò của tiểu tư sản trí thức: có vai trò là lực lượng nòng cốt của PT dân tộc dân chủ công khai; họ có ý thức dân tộc và dân chủ vừa chống đế quốc vừa chống PK; họ là lực lượng nhạy cảm với thời quốc dễ tiếp thu và tuyên truyền tư tưởng tiến bộ của thời đại (do họ có trình độ, nhận thức, hiểu biết, được đọc các sách báo tài liệu, hiểu và nhận thức được vấn đề, dễ tiếp thu và truyền bá tư tưởng); tiểu tư sản trí thức tuy không có khả năng lãnh đạo cách mạng nhưng là lực lượng rất quan trọng, góp phần chuyển biến phong trào cách mạng từ dân chủ tư sản sang vô sản | 0,25 |
| **Đề xuất biện pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay** | **1,0** |
| Đề cao, vinh danh những trí thức có đóng góp lớn cho dân tộc | 0,25 |
| Kêu gọi lực lượng trí thức ở nước ngoài về giúp đất nước, hạn chế “chảy máu chất xám” | 0,25 |
| Đẩy mạnh KH-KT, sắp xếp những công việc phù hợp với trí thức | 0,25 |
| Nhà nước cần có biện pháp, chính sách khuyến khích nhân tài đặc biệt là trí thức trẻ | 0,25 |

**Câu 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Con đường đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có điểm gì mới so với các bậc tiền bối (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)?** | **3,0** |
| - Hướng đi: các bậc tiền bối đã chọn con đường đi sang phương Đông (Nhật Bản, Trung Quốc). Người chọn hướng đi của mình là sang phương Tây… | 0,5 |
| - Xác định kẻ thù: hai cụ Phan chưa phân biệt rõ bạn-thù của cách mạng Việt Nam. Người đã nhận rõ “ở đâu cũng chỉ có hai loại người…”, bạn của cách mạng là nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. | 0,5 |
| - Xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng: PBC, PCT chưa gắn nhiệm vụ với mục tiêu cách mạng. NAQ xác định cách mạng tư sản dân quyền làm nhiệm vụ chống đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày. | 0,5 |
| - Phương pháp cách mạng: PBC chủ trương đấu tranh bằng con đường bạo động, nặng về ám sát cá nhân. PCT chủ trương cải cách ôn hòa, bất bạo động. NAQ thực hiện giác ngộ quần chúng đoàn kết đấu tranh giành độc lập, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. | 0,5 |
| - Lực lượng cách mạng: PBC, PCT chưa thực hiện được việc đoàn kết các lực lượng của toàn dân tộc để cứu nước. NAQ chủ trương đoàn kết toàn dân tộc (trừ tay sai) chống đế quốc và phong kiến. | 0,5 |
| - Thực hiện đoàn kết quốc tế: PBC, PCT bước đầu có đoàn kết quốc tế (nhờ sự giúp đỡ của Nhật, Pháp) nhưng chưa tìm đúng bạn đồng minh. NAQ khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. | 0,25 |
| - Tư tưởng tiếp thu: 2 cụ Phan tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu. NAQ bắt gặp chân lý của thời đại là chủ nghĩa Mác-Lênin | 0,25 |

**Câu 5:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa những điều kiện bùng nổ và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về mối quan hệ giữa những điều kiện đó trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước hiện nay.** | **3.0** |
| **1. Trình bày điều kiện...và phân tích mối quan hệ...** |  |
| \* ***Lí luận***:  - Để cuộc TKN bùng nổ và giành thắng lợi khi có đủ 3 điều kiện (hội tụ đầy đủ điều kiện chủ quan và khách chín muồi): Kẻ thù không thể thống trị như cũ được nữa; Đội tiền phong và quần chúng cách mạng đã sẵn sàng; Lực lượng trung gian đã ngã hẳn về phía cách mạng.  - Điều kiện chủ quan và khách quan đều quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với nhau, thiếu một trong hai yếu tố đó thì cách mạng không thể giành thắng lợi. Trong đó, điều kiện chủ quan là quyết định, nếu không có điều kiện chủ quan được chuẩn bị chu đáo thì điều kiện khách quan có thuận lợi đến đâu thì cũng không thể TKN nổ ra và thắng lợi (Thực tế các nước Đông Nam Á năm 1945 đã chứng minh điều đó....).  - Tuy nhiên, điều kiện khách quan là vô cùng quan trọng, là cơ hội thuận lợi cho TKN bùng nổ, có thể giành thắng lợi một cách nhanh chóng và ít đổ máu. | 0.25  0.5  0.25 |
| \* ***Thực tiễn***: Ở VN vào tháng Tám năm 1945:  - Điều kiện chủ quan:  + Đến tháng 8.1945, Đảng đã có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối và lực lượng cách mạng (LLCT và LLVT, căn cứ địa...) và được rèn luyện trong 15 năm qua 3 cao trào CM...  + Toàn Đảng, toàn dân đều sẵn sàng hành động, kiên quyết hy sinh để giành độc lập tự do.... | 0.5 |
| - Điều kiện khách quan:  + Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, bọn Nhật và tay sai ở Đông Dương hoang mang, rệu rã. Điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến. Tuy nhiên, thời cơ chỉ tồn tại trong 1 thời gian ngắn (trong khoảng thời gian từ khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào nước ta).  + Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, cả dân tộc ta đã nhất tề vùng dậy tiến hành Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc,... trong vòng 15 ngày TKN thắng lợi, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. | 0.25  0.25 |
| **2. Suy nghĩ về mối quan hệ...** *(Trường hợp thí sinh có liên hệ với tình hình biển Đông hiện nay (Phát huy nội lực kết hợp ngoại lực) thì cộng thêm 0.25 điểm nếu ý này chưa đủ 0.75 điểm).* |  |
| *- Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ lớn và thách thức cũng không nhỏ***:**  + Nhiệm vụ của VN là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ... vừa có những thời cơ thuận lợi có thể khai thác ... lại vừa có những thách thức .... | *0.25* |
| - *Để nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức (vận dụng kinh nghiệm của TKN Tháng 8.1945, để hội nhập quốc tế thành công)* *cần:*  + Nhận thức rõ mối quan hệ, tầm quan trọng giữa nội lực (yếu tố bên trong) và ngoại lực (yếu tố bên ngoài) *nhằm xây dựng sức mạnh nội lực dân tộc đủ mạnh để đón nhận thời cơ, ngăn chặn nguy cơ:*  + Phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp sức mạnh trong nước với quốc tế (phát huy nội lực dân tộc – yếu tố bên trong với ngoại lực – yếu tố bên ngoài)*.*  + Xây dựng sức mạnh quốc gia dựa trên nền tảng quốc phòng toàn dân kết hợp với an ninh nhân dân vững mạnh... (Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; có khả năng tiếp thu công nghệ mới; phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, ...). Phát huy toàn diện nguồn lực của dân tộc cả để xây dựng phát triển, bảo vệ Tổ quốc và hội quốc tế thành công. | 0.25  0.25  0.25 |

**Câu 6:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thể hiện như thế nào từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946? Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.** | |
| **Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946….** | **1.5** |
| - Khái quát tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, nhấn mạnh thù trong giặc ngoài trong khi thực lực yếu… => *chú trọng đấu tranh ngoại giao...*  - ***Giai đoạn 1 (2/9/1945 – trước 6/3/1946):***  + *Bắc vĩ tuyến 16*: Đảng và Bác tìm mọi cách để tranh thủ Mĩ, dùng Mĩ để kiềm chế Tưởng, thực hiện sách lược hòa hoãn với Tưởng theo nguyên tắc “cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược”….  + *Nam vĩ tuyến 16*: Đảng và Bác lấy ngoại giao để cô lập thực dân Anh, tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ…  => Tránh cùng lúc đối phó nhiều kẻ thù, củng cố chính quyền cách mạng, hạn chế âm mưu chống phá của Tưởng….  - ***Giai đoạn 2 (6/3/1946 – trước 19/12/1946***):  + Pháp, Tưởng bắt tay với nhau…=> Đảng và Bác quyết định thực hiện sách lược *“hòa để tiến”,* chuyển từ đánh Pháp sang hòa Pháp đuổi Tưởng….  + Biểu hiện: kí với Pháp *Hiệp định Sơ bộ*, tổ chức hội nghị trù bị Đà Lạt, tham dự hội nghị Phông-ten-nơ-blô, kí *Tạm ước*….=> loại bớt kẻ thù, kéo dài thời gian hòa hoãn, chuẩn bị lực lượng đối phó với Pháp sau này…. | ***0.5***  ***0.5***  ***0.5*** |
| **Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm…..** | **1.5** |
| **- Đánh giá:**  + Là sự *kế thừa kế sách giữ nước* của cha ông và được *nâng lên tầm cao mới* trong thời đại HCM với tư tưởng *“cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược”*, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”....  + Trong bối cảnh sau CMT8 khi thực lực còn yếu, phải đối mặt cùng lúc nhiều kẻ thù... thì *đấu tranh ngoại giao trở thành mặt trận mũi nhọn, giữ vai trò quyết định* để bảo vệ chính quyền cách mạng, phân hóa và loại bớt kẻ thù, kéo dài thời gian hòa bình để chuẩn bị cho kháng chiến về sau...  + Đấu tranh ngoại giao *chưa giành thắng lợi cuối cùng* vì thực lực của ta chưa đủ mạnh trong khi thực dân Pháp theo đuổi lập trường thực dân hiếu chiến....=> giai đoạn sau ta phải tập trung vào đấu tranh quân sự là chính, kết hợp với ngoại giao để giành thắng lợi cuối cùng....  **- Bài học kinh nghiệm:**  + Bài học kinh nghiệm: *ngoại giao mềm dẻo*, ngoại giao *có nguyên tắc*, *ngoại giao kết hợp với xây dựng sức mạnh thực lực của quốc gia....*  + Bối cảnh: *Trung Quốc là một nước lớn*, nhiều tiềm lực cả về kinh tế và quân sự, đang *có nhiều hành động xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam* ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa....  + Chủ trương của ta: *kiên trì đấu tranh ngoại giao với Trung Quốc* để giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, *tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế,* *tận dụng mối quan hệ với các nước lớn* như Mĩ, Nhật…để kiềm chế Trung Quốc, đồng thời tích cực *xây dựng sức mạnh toàn diện,* đặc biệt là kinh tế và quốc phòng để sẵn sàng cho tính huống xấu nhất.... | ***0.25***  ***0.25***  ***0.25***  ***0.25***  ***0.25***  ***0.25*** |

**Câu 7:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bằng kiến thức lịch sử đã học, em hãy giải thích “toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược”.** | **2,5** |
| - Khái niệm: Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới. | 0,25 |
| - Giải thích “toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược” vì nó là hệ quả của cách mạng khoa học – kĩ thuật, xuất hiện và phát triển không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.  Cụ thể: | 0,25 |
| + Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đạt được những thành tựu kì diệu, làm cho nền kinh tế thế giới và sự giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các quốc gia, các khu vực ngày càng mang tính quốc tế hóa cao, mở ra khả năng hợp tác toàn cầu trên mọi lĩnh vực. | 0,5 |
| + Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, tạo thành thị trường thế giới và phân công lao động quốc tế; sự di chuyển tự do về tư bản, hàng hóa trên phạm vi toàn cầu, làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc. | 0,5 |
| + Toàn cầu hóa làm nảy sinh nhu cầu, đồng thời tạo ra cơ hội hội nhập quốc tế cho tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế. | 0,5 |
| + Những vấn đề có tính toàn cầu cũng đặt ra đòi hỏi tất cả các quốc gia trên thế giới phải cùng chung tay giải quyết: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, chủ nghĩa khủng bố, thiên tai, dịch bệnh, vũ khí hủy diệt… | 0,5 |